

**HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO
TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
SYSTEM OF INTERNAL CONTROLS RISK MANAGEMENT IN COMMERCIAL BANKS**

✍️ Ths. Đỗ Thị Bích Hồng - Ths. Hồ Thị Yến Ly**

** Viện Quản Lý - Kinh Doanh Trường Đại Học Bà Rịa Vũng Tàu*

Tóm tắt:

Kiểm soát nội bộ (KSNB) trong quản trị rủi ro tại các NHTM trên thế giới đã áp dụng từ lâu, hoạt động này cho thấy được ưu điểm của việc kiểm soát nội bộ đối với quản lý của Ngân hàng thương mại (NHTM). Trong những năm gần đây, các NHTM Việt Nam cũng đang từng bước áp dụng KSNB trong quản trị rủi ro.

Từ khóa: KSNB, kiểm toán, quản trị, rủi ro, NHTM.

Abstract

Internal controls in risk management at commercial banks around the world have long been applied, demonstrating the advantages of internal control over commercial banks' management. In recent years, Vietnamese commercial banks are gradually adopting internal controls in risk management.

Keywords: Internal control, audit, management, risks, commercial banks.

NHTM là loại hình trung gian tài chính đóng vai trò vô cùng quan trọng trong nền kinh tế. Sức khỏe của hệ thống ngân hàng có ảnh hưởng lớn tới sự vững mạnh của hệ thống tài chính quốc gia cũng như nền kinh tế nói chung. Trong những năm qua, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã đổi mới một cách căn bản về mô hình tổ chức, cơ chế điều hành và nghiệp vụ. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống NHTM Việt Nam bộc lộ những yếu kém trong điều hành và hoạt động nghiệp vụ. Hoạt động kinh doanh ngân hàng là loại hình kinh doanh có rất nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương khi có gian lận và sai sót, ... Vì vậy, hoạt động KSNB tốt không những có thể trợ giúp cho các nhà quản lý ngân hàng trong việc ngăn chặn gian lận và sai sót mà còn trợ giúp cho kiểm toán độc lập có được những bằng chứng tin cậy trong việc đánh giá tính trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của ngân hàng.

Trong điều kiện hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng đã mở ra cơ hội cho các NHTM giao lưu, hợp tác kinh tế, có điều kiện tiếp cận trình độ quản lý, trình độ công nghệ của các NHTM các nước phát triển. Vì vậy, việc đảm bảo tính bền vững và ổn định trong phát triển cũng như đảm bảo một hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn và lành mạnh, sử dụng nguồn lực có hiệu quả, vấn đề cần phải giải quyết một cách tốt nhất đó là tăng cường nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, cụ thể là nâng cấp hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ (KTNB) để trở thành cơ chế tự phòng chống rủi ro quan trọng của NHTM.

1. KSNB và quản trị rủi ro của NHTM

Theo thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống KSNB của NHTM, chi nhánh NHTM nước ngoài bắt đầu có hiệu lực 01/01/2019 một trong những nhiệm vụ quan trọng được đưa ra của công tác kiểm soát, KTNB là đảm bảo cho việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời những rủi ro từ đó đạt được yêu cầu, mục đích kinh doanh của NHTM.

1.1- Rủi ro của NHTM và yếu tố quyết định tính chất rủi ro

NHTM là một tổ chức trung gian tài chính kinh doanh loại hàng hóa đặc biệt đó là tiền tệ nên có tính chất và mức độ rủi ro cao. Trong thực tế, NHTM đối diện với rất nhiều loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất.

Với sản phẩm kinh doanh hết sức nhạy cảm của mình trong môi trường kinh tế, NHTM chịu sự tác động rất lớn của những biến động kinh tế vĩ mô. Khi môi trường thay đổi thì tính chất rủi ro cũng sẽ thay đổi theo; Các yếu tố bên trong của ngân hàng như trình độ quản lý, đội ngũ kiểm soát, kiểm toán viên, bộ phận quản lý rủi ro, công nghệ, vốn,... nếu thay đổi theo kịp thời và phù hợp thì năng lực đối phó với các rủi ro của ngân hàng cũng sẽ trở nên tốt hơn.

Rủi ro đối với NHTM gồm:

Rủi ro tín dụng: Rủi ro phát sinh do khách hàng không thực hiện đúng theo hợp đồng-Chậm trả nợ; Trả nợ không đủ; Không trả nợ.

Rủi ro thị trường: Chính sách kinh tế vĩ mô; Cơ sở hạ tầng tài chính; Cơ sở hạ tầng hệ thống pháp luật; Độ tin cậy hệ thống pháp luật; Tính tuân thủ đối với hệ thống quản lý; Uy tín; Rủi ro quốc gia.

Rủi ro hoạt động: Gian lận, lừa đảo từ nội bộ; Gian lận, lừa đảo từ bên ngoài; Lỗi thực hiện của cán bộ và điều kiện an toàn tại các điểm hoạt động; Khách hàng, sản phẩm, dịch vụ; Hệ thống giao dịch bị đình trệ, hư hỏng; Lỗi do quá trình thực hiện nhiệm vụ của nhân viên và quá trình quản lý.

Rủi ro thanh khoản: Sự không cân đối về tài sản có và tài sản nợ; Sự nhạy cảm của tài sản tài chính với những thay đổi lãi suất.

Rủi ro lãi suất: Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới của tài sản và nguồn vốn; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất thị trường khác nhau của các tài sản và nguồn vốn khác nhau; Thay đổi mối quan hệ lãi suất ở các kì hạn khác nhau; Thay đổi lựa chọn của khách hàng về duy trì kỳ hạn còn lại của các tài sản và nguồn vốn (khách hàng vay trả gốc trước hạn hoặc khách hàng gửi tiền rút gốc trước hạn).

Xét trên phạm vi quốc tế, tính chất rủi ro mới đã có những thay đổi đáng kể.

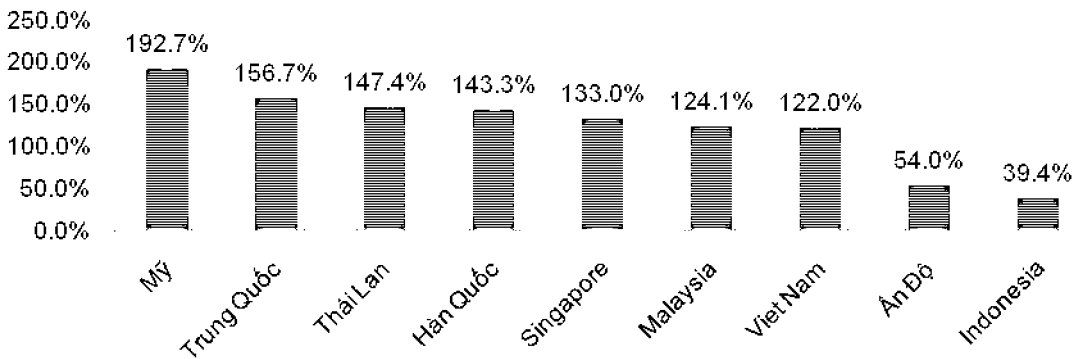
- Rủi ro kinh tế vĩ mô đối với ngân hàng tại các nền kinh tế mới nổi là lớn hơn rất nhiều so với các nền kinh tế phát triển. Nguyên nhân là khả năng hạn chế duy trì các cân đối ở các nền kinh tế này trước các diễn biến về giá cả nhiều mặt hàng quan trọng trên thị trường thế giới biến động thất thường; Hay sự tác động của các diễn biến kinh tế vĩ mô của nền kinh tế Hoa Kỳ đến các nước nhỏ, phụ thuộc vào Hoa Kỳ. Các cú sốc đối khu vực ngân hàng là rộng hơn và mức độ tác động lớn hơn trước kia khá nhiều.

- Rủi ro tín dụng trên phạm vi toàn thế giới: Tín dụng cho khu vực hộ gia đình, tín dụng tiêu dùng đang gia tăng đáng kể trên toàn thế giới. Trước các diễn biến về kinh tế vĩ mô, giá tài sản có sự thay đổi nhiều, điều này đã mang lại các rủi ro đối với rủi ro tín dụng. Rủi ro đối với danh mục tín dụng ngân hàng trên sổ sách do giá tài sản (chứng khoán, nhà đất, bất động sản...) có sự thay đổi quá nhiều. Cuộc khủng hoảng tín dụng cho vay thế chấp nhà ở Hoa Kỳ năm 2008 (khủng hoảng tín dụng dưới chuẩn) là một minh chứng cho rủi ro này. Cũng chính từ cuộc khủng hoảng ở Mỹ, các mô hình ngân hàng hướng tới các “hoạt động ngoại bảng” và sự phát triển của các công cụ mới, các công cụ phái sinh, các “sáng tạo tài chính”

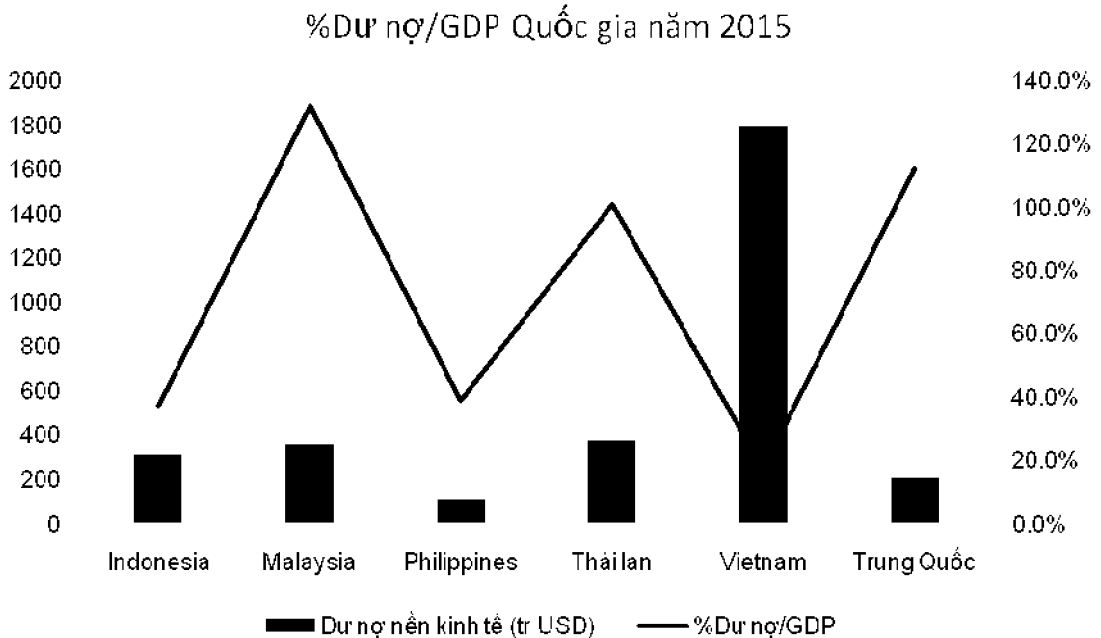
hay sự thần kỳ của chứng khoán hóa các khoản vay cũng như hoạt động trên cơ sở đòn bẩy tài chính rất cao đã vô hiệu hóa các cơ quan kiểm soát rủi ro của NHTM mà trước tiên là hoạt động KSNB. Như vậy, bài học rút ra là các rủi ro ngoại bảng cần quan tâm thì công tác KSNB cũng cần phải xem xét, tăng cường và hoàn thiện quy trình kiểm soát của mình một cách cẩn trọng đối với cả các tài sản ngoại bảng.

Đồ thị 1: Dư nợ tín dụng/GDP quốc gia năm 2016

DƯ NỢ TÍN DỤNG/GDP QUỐC GIA NĂM 2016



Đồ thị 2: Dư nợ của toàn bộ nền kinh tế/GDP năm 2015



1.2- Kiểm soát, KTNB và tính chất của rủi ro trong kinh doanh của NHTM

Trong thời gian gần đây cho thấy tính chất rủi ro trong hoạt động NHTM có sự thay đổi lớn do đó các NHTM mà trước tiên là hệ thống kiểm soát, KTNB cần có sự thay đổi thích nghi. Vì hệ thống này có một vai trò, vị trí quan trọng quyết định đến sự thành bại của ngân hàng. Các ngân hàng hiện đại trên thế giới ngày càng quan tâm đến mức độ đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB.

Hệ thống KSNB bao gồm 5 cấu phần, cụ thể: là môi trường kiểm soát, hệ thống quản lý và đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, hệ thống thông tin và cơ chế trao đổi thông tin, và cơ chế giám sát hoạt động kiểm soát.

Môi trường kiểm soát là nền tảng cho toàn bộ các cấu phần của hệ thống KSNB, bao gồm cơ cấu tổ chức, cơ chế phân cấp, phân quyền, các chính sách, thông lệ về nguồn nhân lực, đạo đức nghề nghiệp, năng lực, cách thức quản trị, điều hành của các cấp lãnh đạo. Những tính chất mới trong rủi ro này có thể là do điều kiện nền kinh tế, hệ thống tài chính ngân hàng Việt Nam đã phát triển ở mức cao hơn về chiều sâu, do tính đa dạng và mức độ phức tạp hơn, do có sự hội nhập quốc tế sâu rộng hơn

Tăng trưởng kinh tế dựa vào nguồn vốn cung ứng và rủi ro của ngân hàng:

Trách nhiệm dẫn vốn dài hạn cho nền kinh tế thuộc về thị trường chứng khoán nhưng hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện vẫn đang là kênh dẫn vốn cả ngắn hạn và dài hạn cho nền kinh tế. Theo Ngân hàng Nhà nước (NHNN), mô hình tăng trưởng của Việt Nam là mô hình phụ thuộc vào quy mô vốn đầu tư, trong đó chủ yếu dựa vào tín dụng từ khu vực ngân hàng. Gánh nặng cung cấp vốn cho nền kinh tế đặt lên hệ thống các tổ chức tín dụng và đặc biệt là các NHTM ngày càng lớn, tỉ lệ tín dụng so với GDP tăng liên tục trong giai đoạn 2012-2015 (năm 2012: 95,2%; năm 2013: 97%; năm 2014: 100%; năm 2015: 111,1%). Trong khi đó, tỉ lệ này ở một số nước chỉ khoảng trên dưới 50%, tiêu biểu như: Indonesia (36,5%), Philippines (39,1%), Ấn Độ (51,6%) ... Điều này đặt ra áp lực lớn và có khả năng gây tác động tiêu cực cho nền kinh tế vĩ mô. Nhận xét về việc cung ứng vốn cho nền kinh tế của ngành ngân hàng năm 2016, báo cáo của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia cho biết, hệ thống tài chính cung ứng khoảng 1.230 nghìn tỷ đồng cho nền kinh tế. Trong đó, khu vực ngân hàng cung ứng 68,1%. Tuy nhiên, so với các nước trong khu vực, năng lực cung ứng vốn của hệ thống tài chính Việt Nam còn hạn chế. Điều này cho thấy, việc cung ứng vốn đang phụ thuộc chủ yếu vào hệ thống ngân hàng, trong khi tiềm năng từ các thị trường chứng khoán và trái phiếu là rất lớn nhưng vẫn chưa thể phát huy. Điều này đặt ra quá nhiều gánh nặng lên “vai” các NHTM. Thậm chí, nhiều chuyên gia cho rằng, nếu kéo dài, đây sẽ trở thành điểm nghẽn cho phát triển kinh tế. Nguyên nhân do nguồn vốn của các DN (DN) Việt Nam vẫn chiếm trên 50% là đi vay ngân hàng, trong khi trình độ công nghệ còn yếu kém, thiếu kinh nghiệm, kiến thức kinh doanh... nên rất dễ phát sinh nợ xấu, gây ảnh hưởng tới toàn hệ thống.

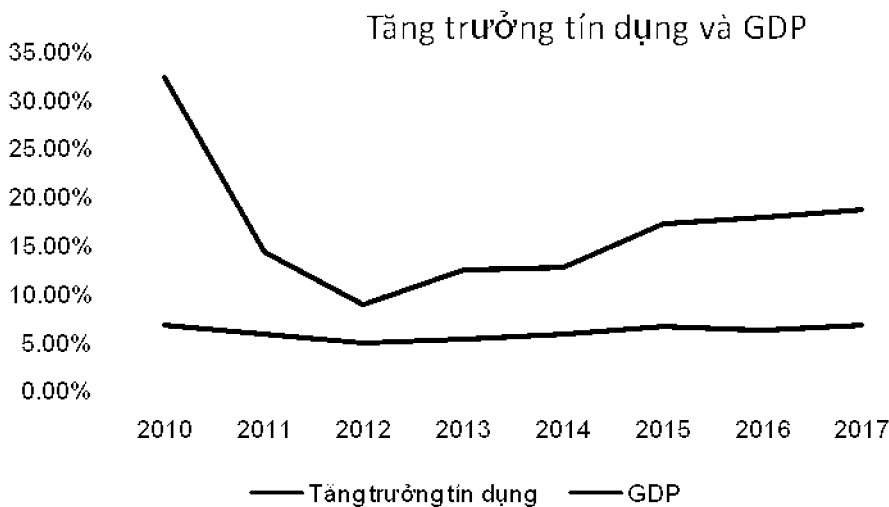
Hội nhập sâu và rộng hơn cùng với nó là rủi ro ngân hàng cũng gia tăng.

Từ khi Việt Nam gia nhập WTO và theo cam kết, khu vực ngân hàng đã được mở cửa khá nhanh. Các ngân hàng 100 vốn nước ngoài đã được phép thành lập ở Việt Nam; Các chi nhánh ngân hàng nước ngoài hiện đã được hoạt động tiền VND rộng hơn những năm 1995 - 2005 rất nhiều (như mức độ huy động VND, đặt ATM ngoài trụ sở chính,...). Nhà đầu tư nước ngoài cũng được tham gia mua cổ phần của các DN trong nước lên tới 49% tổng vốn chủ sở hữu.

Riêng đối với khu vực ngân hàng, mức tham gia của nhà đầu tư nước ngoài hiện còn hạn chế ở tỷ lệ 30% (nhưng rất có thể, trong quá trình cơ cấu lại khu vực ngân hàng, có thể các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào khu vực ngân hàng với tỷ lệ cao hơn). Cũng ngay từ năm 2007, Việt Nam đã có được dòng ngoại tệ chảy vào khá lớn. Tuy nhiên, thực tế đã cho thấy khả năng hấp thụ và quản lý dòng vốn vào lại là một điểm đáng quan ngại ở cả khu vực ngân hàng, khu vực DN và hơn thế nữa là ở góc độ vĩ mô: Dự trữ ngoại hối quốc gia biến động, bong bóng giá bất động sản, bong bóng giá chứng khoán, sự bùng nổ tiêu dùng, bùng nổ tín dụng. Trên thực tế, nhiều ngân hàng đã đối mặt với mức độ rủi ro ngoại hối cao do năng lực của bộ phận quản lý rủi ro cũng như của KSNB của các ngân hàng đã tỏ ra yếu kém, bất cập trước các loại rủi ro mới liên quan đến các giao dịch ngoại hối của ngân hàng.

Mức độ phát triển của khu vực tài chính tiền tệ quá nóng so với năng lực giám sát, quản lý và KSNB của ngân hàng.

Đến nay, khu vực tài chính tiền tệ Việt Nam đã có mức tăng trưởng rất mạnh, Các NHTM đã có tăng trưởng tài sản và tăng trưởng tín dụng rất mạnh (thậm chí một số NHTM ở mức quá nóng. Theo báo cáo tổng quan thị trường tài chính của Ủy ban Giám sát Tài Chính Quốc gia (UBGSTC), năm 2017 tín dụng tăng 18,7% so với năm 2016 và đã hỗ trợ tích cực cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Trong đó, tỷ trọng tín dụng trung dài hạn có xu hướng giảm sau khi tăng liên tục trong giai đoạn 2013 - 2016, chiếm 53,7% tổng tín dụng (năm 2016 là 55,1%).



Sự phát triển nhanh chóng của các NHTM, đi đôi với sự ra đời và bùng nổ của thị trường chứng khoán (chuyển giao cổ phần - hay sở hữu ngân hàng trở nên dễ dàng hơn, nhanh hơn và hấp dẫn hơn, liên quan đến quyền lợi và lợi ích lớn hơn...). Quan sát thị trường cho thấy, tình trạng này đã làm cho diễn biến về sở hữu ngân hàng trở nên vô cùng phức tạp. Trên thực tế, thời gian qua ở khu vực ngân hàng Việt Nam, nhiều khái niệm mới đã được hình thành hay ra đời như “lợi ích nhóm” trong ngân hàng, “sở hữu chéo” trong ngân hàng; gian lận ngân hàng, thâm tóm ngân hàng, vốn ảo, tập đoàn tài chính ngân hàng - DN sản xuất (quan hệ chằng chịt về kinh tế, về kế toán tài chính và về mặt lợi ích giữa các bên có liên quan)...

Thách thức từ thị trường chứng khoán đối với hệ thống kiểm soát của ngân hàng

Thực tế cho thấy, thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển khá mong manh và chưa hỗ trợ tốt cho khu vực ngân hàng. Khi chưa có thị trường chứng khoán, chúng ta vẫn kỳ vọng vào sự ra đời của thị trường chứng khoán và thị trường này sẽ hỗ trợ, giảm áp lực vốn và giảm thiểu rủi ro cho khu vực ngân hàng, tăng khả năng quản lý rủi ro cho các NHTM và tăng thanh khoản cho nền kinh tế. Tuy nhiên, sự phát triển quá nhanh của thị trường so với năng lực giám sát và quản lý phù hợp thì tác dụng hỗ trợ của thị trường chứng khoán cho khu vực ngân hàng dường như rất ít, thậm chí làm tăng rủi ro cho khu vực ngân hàng. Các chính sách của NHNN trong thời gian qua hướng tới hạn chế hay kiểm soát chặt chẽ việc cho vay đầu tư chứng khoán và bất động sản là phản ánh quan điểm của cơ quan lập chính sách nhận định, đánh giá về tác động tiêu cực của thị trường chứng khoán đến khu vực ngân hàng. Những năm 2007 - 2008, dư nợ cho vay chứng khoán của khu vực ngân hàng lên khá cao; có NHTM lên tới 30% tổng dư nợ; năm 2017 thì lượng tín dụng cho vay chứng khoán của hệ thống ngân hàng là 10.000 tỷ, giảm 40% so với thời điểm cuối năm 2016. Dòng vốn chảy vào thị trường chứng khoán thời gian qua có sự đóng góp đáng kể từ khối các nhà đầu tư nước ngoài. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2017, khối ngoại mua ròng 1 tỷ 426 triệu USD, bao gồm 811 triệu USD trái phiếu và 615 triệu USD cổ phiếu. Kiểm soát dòng vốn tín dụng vào các kênh đầu tư rủi ro như chứng khoán, bất động sản là một trong các vấn đề các đại biểu Quốc hội đặc biệt quan tâm. Các quy định hiện nay cũng đã có các biện pháp kiểm soát chặt đối với cho vay chứng khoán như chỉ cho phép các TCTD phải có nợ xấu dưới 3% mới được cho vay đầu tư kinh doanh chứng khoán. Điều này cũng tương tự đối với lĩnh vực bất động sản. NHNN đã nâng hệ số rủi ro đối với cho vay lĩnh vực bất động sản, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn được tăng lên cũng hạn chế nguồn vốn đi vào kênh đầu tư này.

1.3 - Đánh giá về công tác kiểm soát, KTNB trong NHTM

Với đặc thù trong hoạt động kinh doanh của mình, NHTM muốn uốn nắn và phát hiện kịp thời những sai sót nhằm nâng cao chất lượng kinh doanh và uy tín của mình, ngoài những biện pháp thanh tra, kiểm tra giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước mà đòi hỏi các ngân hàng còn phải thiết lập một hệ thống kiểm soát, KTNB hiệu quả. Hệ thống này được coi là bộ phận quan trọng trong quản trị rủi ro của ngân hàng. Đặc biệt là các ngân hàng hiện đại trên thế giới ngày càng quan tâm đến mức độ đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB.

Trên cơ sở thực trạng hệ thống kiểm soát, KTNB của hệ thống NHTM, có thể đưa ra một số đánh giá ở một số khía cạnh nhất định.

Trước tiên, hệ thống kiểm soát, KTNB được thiết lập cần phải đạt được mục tiêu:

- Bảo đảm cho ngân hàng hoạt động tuân thủ pháp luật và các quy định, quy trình nội bộ về quản lý và hoạt động, và các chuẩn mực đạo đức do ngân hàng đặt ra.
- Đảm bảo mức độ tin cậy và tính trung thực của các thông tin tài chính và phi tài chính.
- Bảo vệ, quản lý và sử dụng tài sản và các nguồn lực một cách kinh tế và hiệu quả.
- Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu do Ban lãnh đạo ngân hàng đề ra.

Hệ thống KSNB gồm có 5 bộ phận cấu thành: (1) Môi trường kiểm soát; (2) Hệ thống quản lý và đánh giá rủi ro; (3) Hoạt động kiểm soát; (4) Hệ thống thông tin và cơ chế trao đổi thông tin; (5) Cơ chế giám sát hoạt động kiểm soát. Do đó việc đánh giá cũng sẽ dựa trên 5 bộ phận cấu thành.

Môi trường kiểm soát:

Các NHTM hiện nay đã xây dựng cơ cấu tổ chức phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động của mình. Tuy nhiên, việc mô tả công việc cụ thể và trách nhiệm của từng thành viên, đặc biệt là các thành viên chủ chốt chưa được xây dựng rõ ràng. Nguyên tắc bất kiêm nhiệm chưa được tuân thủ chặt chẽ, đặc biệt ở các chi nhánh nhỏ.

Các quy định liên quan đến việc tuyển dụng nhân viên có trình độ và đạo đức tốt; Tạo môi trường để phát huy hết năng lực của nhân viên; Giữ chân nhân viên giỏi chưa được cụ thể hóa trong các quy chế của ngân hàng. Việc đề bạt dựa trên đánh giá định kỳ về hiệu quả công việc thể hiện cam kết của đơn vị trong việc bổ nhiệm những nhân sự có khả năng vào những trọng trách cao hơn.

Chất lượng môi trường kiểm soát trong các NHTM hiện nay còn nhiều vấn đề bất cập:

- Hầu hết các NHTM chưa chú trọng đến việc quy định, truyền thông về tính chính trực và các giá trị đạo đức.

- Ban Quản trị chưa thực sự quan tâm tới việc duy trì và phát triển KSNB trong ngân hàng.

- Không phải lúc nào Ban Giám đốc cũng thận trọng trong việc xây dựng các ước tính kế toán như trong việc phân loại nợ, trích lập dự phòng.

Quy trình đánh giá rủi ro:

Mặc dù, NHTM đã xây dựng những văn bản trong việc đánh giá rủi ro. Tuy nhiên, NHTM chưa thực sự chủ động vào việc nhận diện rủi ro, thường tập trung vào việc phát hiện và giảm thiểu rủi ro.

Nhóm 10 NHTM được lựa chọn triển khai Basel 2 từ cuối năm 2015 bao gồm BIDV, VietinBank, Vietcombank, Techcombank, ACB, VPBank, MB, Maritime Bank, Sacombank và VIB đã thành lập Ban quản lý rủi ro, khối quản lý rủi ro; Việc áp dụng Basel 2 sẽ được hoàn thành vào năm 2018, sau đó sẽ áp dụng rộng rãi cho các NHTM khác.

Nhiều NHTM đã xây dựng chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro như: Chính sách quản lý rủi ro thanh khoản, chính sách quản lý rủi ro lãi suất, chính sách quản lý rủi ro thị trường...; Cũng như các kế hoạch ứng phó khi các sự cố đó xảy ra. Tuy nhiên việc xây dựng những văn bản đánh giá rủi ro chưa thực sự chủ động vào việc nhận diện rủi ro, thường tập trung vào việc phát hiện và giảm thiểu rủi ro. Bên cạnh đó, các NHTM chưa thực sự quan tâm tới các yếu tố có thể dẫn tới rủi ro như: Có những thay đổi trong môi trường hoạt động, sự xuất hiện nhân sự mới, đặc biệt là nhân sự cấp cao, áp dụng công nghệ mới và mô hình kinh doanh mới, thay đổi chính sách kế toán.

Hoạt động kiểm soát:

Nhìn chung, các NHTM đã ban hành các quy định, tuy nhiên chưa thực sự mô tả đầy đủ nhiệm vụ của các thành viên trong tổ chức của mình. Tại một số tổ chức tín dụng có tình trạng: thành viên của Hội đồng quản trị (HĐQT) tham gia trực tiếp vào việc phê duyệt các

giao dịch/quyết định kinh tế cụ thể. Bên cạnh đó, các cách thức kiểm soát khác nhau tại ngân hàng chưa được áp dụng một cách đầy đủ và thường xuyên. Các NHTM đã xây dựng quy trình nghiệp vụ đầy đủ, thiết lập các chốt kiểm soát nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý các sai phạm nhưng tính hiệu lực của các hoạt động kiểm soát phụ thuộc rất nhiều vào sự tuân thủ các quy định từ phía cán bộ nhân viên. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ nhân viên vẫn còn yếu kém và không theo kịp về chất lượng của một cán bộ làm KSNB. Số lượng cán bộ này đang có dấu hiệu thiếu hụt trầm trọng. Do đó, vẫn còn xảy ra nhiều sai phạm trong các hoạt động của ngân hàng, khi nhân viên lợi dụng điểm yếu, những lỗ hổng trong hệ thống KSNB.

Các NHTM chưa chú trọng đến hoạt động kiểm soát môi trường hoạt động công nghệ thông tin qua chiến lược phát triển phát triển công nghệ thông tin, thủ tục thiết lập và phát triển chương trình; Thủ tục sử dụng báo cáo bất thường, thiết lập đường dây nóng để kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề bất thường, các sai sót do gian lận và nhầm lẫn; Thủ tục yêu cầu các cấp quản lý trung gian báo cáo ngay với lãnh đạo mọi trường hợp gian lận, nghi ngờ gian lận, vi phạm nội quy, quy định của ngân hàng cũng như các quy định pháp luật làm giảm uy tín và gây thiệt hại về kinh tế cho ngân hàng... quy trình cấp tín dụng, giám sát thực hiện hợp đồng tín dụng cũng chưa được tuân thủ đầy đủ:

Hệ thống thông tin và cơ chế trao đổi thông tin

Hiện nay trong các NHTM, với đặc điểm quy mô lớn, cơ cấu tổ chức bao gồm nhiều chi nhánh, phòng giao dịch thì việc thiết lập các kênh thông tin hiện nay còn nhiều hạn chế. Trong một NHTM thì thông tin chủ yếu diễn ra theo một chiều từ trên xuống dưới. Một số bộ phận chưa đảm bảo việc thực hiện các thủ tục bởi cán bộ có trình độ chuyên môn.

Hầu hết các NHTM đã chú trọng xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, phát triển hệ thống thông tin quản lý nội bộ, nâng cấp phù hợp với quy mô hoạt động và yêu cầu quản trị điều hành ngân hàng, xây dựng hệ thống dự phòng theo tiêu chuẩn quốc tế, hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu phát triển sản phẩm dịch vụ, áp dụng khoa học công nghệ vào quy trình quản lý hiện đại.

Việc xây dựng các quy trình công nghệ thông tin được tiến hành trong NHTM đa số bởi các chuyên gia công nghệ thông tin. Tuy nhiên, có một số bộ phận chưa đảm bảo việc thực hiện các quy trình bởi cán bộ có trình độ chuyên môn...

Cơ chế giám sát hoạt động kiểm soát

Về cơ bản các NHTM hiện nay chưa thực hiện duy trì thành phần giám sát các kiểm soát. Các nhà quản lý cấp cao chưa thực sự quan tâm tới việc kiểm soát thường xuyên trong quá trình hoạt động thường chỉ khi có những sự kiện bất thường xảy ra thì mới thực hiện kiểm soát. Bộ phận KTNB về cơ bản đều được thành lập ở tất cả các NHTM. Tuy nhiên, cán bộ thuộc bộ phận này thường không đảm bảo số lượng phù hợp với quy mô của ngân hàng. Hoạt động của bộ phận KTNB đã tiến hành kiểm tra một số hoạt động, một số đơn vị tại ngân hàng và phát hiện tồn tại, thiếu sót và kiến nghị các biện pháp khắc phục.

Các NHTM đã có quy định về thực hiện đánh giá hệ thống KSNB nội bộ định kỳ nhưng báo cáo chưa đi sâu đánh giá các nguyên tắc căn bản của hệ thống KSNB mà chủ yếu mô tả cơ cấu tổ chức của ngân hàng, tóm tắt tình hình thực hiện kế hoạch kiểm toán trong năm; rà soát hệ thống các văn bản, quy định nội bộ...; Vai trò của các đơn vị trong hệ thống quản trị rủi ro còn hạn chế...

2. Một số ý kiến về công tác kiểm soát, KTNB tại NHTM

Nhìn chung hệ thống kiểm soát, KTNB của các NHTM đã được xây dựng phù hợp với yêu cầu về mặt pháp luật, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế do:

(1) Công tác KSNB không theo kịp sự phát triển quá nhanh của các hoạt động NHTM, đặc biệt là trình độ của cán bộ làm công tác kiểm soát.

(2) Thiếu hụt nguồn nhân lực trong công tác kiểm soát, KTNB.

(3) Hệ thống KSNB và các định chế giám sát khác tại một số ngân hàng có dấu hiệu bị “vô hiệu hóa”.

(4) Thiếu các đánh giá trong hệ thống kiểm soát, kiểm toán độc lập.

(5) Bất cập trong hệ thống chuẩn mực nghề nghiệp và quy định pháp lý liên quan, sự mâu thuẫn và xung đột lợi ích.

(6) Mọi quan hệ kiểm soát giữa cơ quan quản lý nhà nước, các NHTM và công ty kiểm toán chưa chặt chẽ.

Trên cơ sở những hạn chế đó, chúng tôi đưa ra một số ý kiến hoàn thiện kiểm soát, KTNB trong quản trị rủi ro của NHTM:

- **Môi trường kiểm soát:** Cần quan tâm đặc biệt đến cơ cấu lại và nâng cao năng lực quản lý, giám sát rủi ro của hệ thống KSNB theo hướng. Tăng cường năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo tính độc lập và tự chịu trách nhiệm của hệ thống này. Xây dựng hệ thống kiểm soát, KTNB đầy đủ, hiệu quả; phối hợp các bộ phận liên quan, bổ sung các công cụ quản lý tiên tiến, giảm thiểu sai sót mang tính đạo đức nghề nghiệp.

- **Quy trình đánh giá rủi ro:** Quán triệt nguyên tắc tăng vốn cho ngân hàng trong thời gian tới (bất kể hình thức nào); Hay mở rộng tín dụng, mở chi nhánh, triển khai nghiệp vụ mới... phải đi đôi với tăng cường quản trị mà trong đó có hệ thống KSNB cần phải tăng cường tương xứng. Xây dựng hệ thống kênh thông tin đầy đủ nhằm phân tích, đánh giá, nhận diện rủi ro kịp thời để tránh, không chỉ là ngăn ngừa và phát hiện như hiện tại. Xây dựng hệ thống lỗi, sai phạm của các nghiệp vụ.

- **Hoạt động kiểm soát:** Đảm bảo đội ngũ kiểm soát viên nội bộ ngân hàng có đủ năng lực và đồng đều trong điều kiện hệ thống ngân hàng đang phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. NHNN và các cơ quan có thẩm quyền liên quan cần đưa ra tiêu chuẩn nghề nghiệp về KSNB, KTNB tại các ngân hàng (với chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp tương ứng). Người thực hiện công tác KSNB cần được đào tạo và cấp chứng chỉ. Đây được coi như chứng chỉ hành nghề đối với kiểm soát viên tại ngân hàng để đảm bảo yêu cầu về trình độ và năng lực; Các tổ chức tín dụng phải đảm bảo số lượng tối thiểu về kiểm soát viên, đảm bảo tính độc lập với việc bảo đảm mức thu nhập hợp lý cho kiểm soát viên... nhằm khuyến khích cán bộ làm ở vị trí này một cách trách nhiệm.

- **Hoạt động thông tin và cơ chế trao đổi thông tin:** Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, phát triển hệ thống quản lý nội bộ, nâng cấp hệ thống ngân hàng, xây dựng và thiết lập văn hóa kiểm soát cần trọng trong hoạt động ngân hàng tại các ngân hàng. Do hoạt động ngân hàng là loại hình đặc thù, do đó cần phải đảm bảo rằng tất cả các khâu trong hoạt động ngân hàng ở các ngân hàng, ở các chi nhánh... phải có KSNB và tách biệt với hoạt động kinh doanh trực tiếp của ngân hàng. Hàng năm, đội ngũ KSNB phải được đào tạo, bồi dưỡng cập

nhất về nghiệp vụ, giới thiệu về sản phẩm mới, tình hình rủi ro mới. Đối với người quản lý ngân hàng, từ cấp phó giám đốc chi nhánh trở lên (đến Hội đồng quản trị ngân hàng), nhất thiết phải qua lớp KSNB cho cấp quản lý, hoặc quản lý rủi ro ngân hàng ở mức tương xứng.

- *Cơ chế giám sát hoạt động kiểm soát*: Cần có nghiên cứu quy mô, đủ tầm đánh giá về vai trò của KSNB tại các NHTM trong thời gian vừa qua, trên cơ sở đó có các đề xuất cụ thể về đổi mới phù hợp trong những năm tới. Ngoài ra để đảm bảo tính minh bạch và tăng cường sự giám sát của HĐQT, ngân hàng cần phải tách bạch giữa chức năng giám sát của HĐQT với chức năng điều hành kinh doanh của Ban Điều hành, thành viên HĐQT không nên trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh tế cụ thể.

- *Về phía cơ quan Nhà Nước*: NHNN cần ban hành các văn bản hướng dẫn trong việc đánh giá hệ thống kiểm soát, KTNB, cũng như phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các NHTM cũng như hoạt động kiểm toán, lập báo cáo tài chính của các NHTM Việt Nam. Tiến hành các buổi hội thảo, tọa đàm để hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm trong việc thiết kế, cũng như vận hành hệ thống KSNB trong các NHTM. Xây dựng các khóa đào tạo nâng cao trình độ, năng lực cho các cán bộ chuyên trách về KSNB. ■

Tài liệu tham khảo

1-Basel Committee on Banking Supervision (2011).

2-Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống KSNB của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3-Vũ Thủy Ngọc, Hệ thống KSNB của một số ngân hàng hiện đại. Tạp chí Ngân hàng số 9/2006.

4-Các tài liệu khác tài chính khác.

5- Báo cáo Ban kiểm soát các NHTM nhà nước Việt Nam các năm.

6-Kpmg.com.vn, Báo cáo kiểm soát về ngành Ngân hàng Việt Nam.

7- Các trang thông tin điện tử về hiệp hội ngân hàng và KTNB khai thác trên Google.com.vn.
